

Số: 274/KH-UBND

Kiên Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang năm 2023, cụ thể như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

Kết quả thực hiện các mục tiêu đặt ra trong năm 2022 so với Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Kiên



Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Kết quả đạt được năm 2022
I	Phát triển Chính quyền số			
1	Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 (toàn trình) được cung cấp đa kênh, đa phương tiện truy cập, đặc biệt là thiết bị di động	80%	100%	100%
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	80%	100%	38%
3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử (Trừ đối với văn bản mật)	100%	100%	100%
4	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ xử lý công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	90% 80% 60%	100% 90% 70%	80% 75% 50%
5	Báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	100%	100%	100%
6	Kết nối, liên thông hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Doanh nghiệp, Tài chính, Tư pháp, Bưu chính, Đất đai, Bảo hiểm xã hội,...	Hoàn thành	Kết nối 100% với Quốc gia	Hoàn thành (trừ Đất đai, bảo hiểm)
7	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh được xác thực định danh điện tử thông suốt hợp nhất với hệ thống Trung ương	100%	100%	Đang thực hiện
8	Người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính	90%	100%	88,5%
II	Phát triển Kinh tế số			
1	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	10%	20%	5,81%
2	Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện khai báo thuế qua mạng và sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%	100%
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Trên 50%	Trên 70%	100%

III	Phát triển Xã hội số			
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	80%	100%	80%
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	50%	70%	2,19%
3	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến cấp xã.	100% xã, phường, thị trấn	100% xã, phường, thị trấn	100% xã, phường, thị trấn
4	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	80%	100%	65,5%
5	Địa bàn tỉnh được phủ sóng 4G, hướng đến 5G	100% các huyện, thành phố	100% các huyện, thành phố	4G đạt 100%, 5G đang thi điểm tại các huyện, thành phố
6	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử (người dân từ 15 tuổi trở lên)	80%	100%	44,88%
7	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	90%	100%	45%
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	50%	70%	1,1%

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang:

- UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tổ chức công tác tuyên truyền, chỉ đạo báo, đài tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở; Công Thông tin điện tử tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang đã bám sát chủ trương, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để tập trung tuyên truyền trước, trong và sau Ngày Chuyển đổi số Quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang 10/10/2022. Cụ thể:

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền những nội dung cơ bản về Chuyển đổi số, tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của Chuyển đổi số, Chính quyền số, công nghệ số đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh Kiên Giang.

+ Tuyên truyền về phát triển kinh tế số nhằm thay đổi nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc chuyển đổi phương thức hoạt động của các lĩnh vực, ngành, nghề từ truyền thống sang ứng dụng công nghệ số để giảm chi phí, tăng năng suất lao động, thu hẹp khoảng cách phát triển.

+ Tuyên truyền về phát triển và xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số; thông tin về cơ chế, chính sách, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng số, nền tảng số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, chú trọng tuyên truyền các lĩnh vực ưu tiên như xây dựng đô thị thông minh phát triển du lịch, dịch vụ, y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp số,...

+ Kịp thời tuyên truyền, phản ánh các hoạt động Chuyển đổi số; các thỏa thuận về hợp tác Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về cung cấp và sử dụng thông tin số trên địa bàn tỉnh.

+ Từ đầu năm đến tháng 11/2022, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang đã tổ chức sản xuất và phát sóng hơn 700 sản phẩm báo chí phát thanh, truyền hình tuyên truyền về Chuyển đổi số và Ngày Chuyển đổi số 10/10. Riêng từ ngày 15/9 đến 31/10, Đài đã sản xuất và phát sóng hơn 100 sản phẩm về Chuyển đổi số.

- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 7804/VP-KGVX ngày 04/10/2022 về việc phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số 10/10 theo Công văn số 4878/BTTTT-CĐSQG ngày 30/9/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hệ thống Công Thông tin điện tử tỉnh và các Công thành viên (các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố), chuyên trang Chuyển đổi số Kiên Giang cũng đồng loạt triển khai các Banner, các biểu trưng là bộ nhận diện hình ảnh Ngày Chuyển đổi số theo chỉ đạo từ Bộ Thông tin và Truyền thông; đồng loạt đưa tin về các sự kiện hưởng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia và sự kiện công bố Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang 10/10/2022.

- Tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cũng đồng loạt triển khai việc treo băng rôn, áp phích tại trụ sở làm việc qua đó lan tỏa thông điệp Ngày chuyển đổi số một cách trực quan, sinh động, cụ thể một số nội dung tuyên truyền như sau: “Chào mừng ngày Chuyển đổi số Quốc gia 10/10”; “Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang 10/10/2022”; “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”; “Chuyển đổi số không phải là thêm những việc mới, Chuyển đổi số là thêm cách làm mới”.

Tổ chức “Chuỗi sự kiện Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang năm 2022” hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia:

- Ngày 30/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2426/QĐ-UBND lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang, thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của Chuyển đổi số; thúc đẩy sự tham gia vào cuộc

của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp trong tỉnh và sự tham gia của Nhân dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2022 tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang năm 2022 với các sự kiện:

+ Tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Sở Thông tin và Truyền thông (được UBND tỉnh ủy quyền) và Công ty Cổ phần VNG khai thác ứng dụng Zalo phục vụ Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, ứng dụng mạng xã hội Zalo để đưa thông tin, thủ tục hành chính tiếp cận đến người dân thông qua mạng xã hội Zalo, góp phần công khai, minh bạch cung cấp thông tin cũng như góp phần cùng nỗ lực chung của các ngành nâng cao điểm số Cải cách hành chính, hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh.

+ Tổ chức Hội nghị công bố Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang. Hội nghị do Thường trực UBND tỉnh chủ trì với sự tham gia của đại diện lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và Phòng Văn hóa - Thông tin; đại diện 50 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Hội nghị công bố kết hợp với hoạt động quảng bá, giới thiệu các giải pháp thúc đẩy Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: Giải pháp về Chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; công nghệ mới đồng hành Chuyển đổi số chính quyền và xã hội; giải pháp an toàn thông tin cho Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế:

Do là lần đầu tiên tổ chức nên quy mô và tính đa dạng các hoạt động còn hạn chế. Tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về Chuyển đổi số để tiếp tục góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, người dân, doanh nghiệp; để hoạt động Chuyển đổi số của tỉnh đi vào thực chất, mang lại hiệu quả như mục tiêu “Chuyển đổi số nhằm giải quyết các vấn đề của xã hội, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện hướng dẫn tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh chia sẻ, phổ biến các câu chuyện thành công về Chuyển đổi số tại trang thông tin điện tử “Câu chuyện Chuyển đổi số” tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn>, thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, các cổng thông tin điện tử thành phần, chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh và chuyên mục Chuyển đổi được phát sóng trên Đài phát thanh và Truyền hình Kiên Giang.

b) Tồn tại, hạn chế:

Hiện tại, tỉnh chưa có câu chuyện thành công về Chuyển đổi số được chia sẻ trên trang <https://t63.mic.gov.vn>.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

a) Kết quả đạt được:

Sở Thông tin và Truyền thông đã đề nghị UBND các huyện, thành phố phối hợp, chỉ đạo tất cả thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia kênh Zalo OA “Chuyển đổi số quốc gia” và chọn “Quan tâm” (quét mã QR kênh OA Zalo Chuyển đổi số quốc gia) để kịp thời nhận được, nắm bắt, cập nhật các chủ trương, định hướng, thông tin về các hoạt động Chuyển đổi số quốc gia, các bộ, ngành, địa phương, làm nền tảng kiến thức phục vụ cho việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng, nền tảng số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chưa thực hiện tuyên truyền sâu rộng cho cán bộ, công chức và người dân để thực hiện tham gia kênh Zalo OA “Chuyển đổi số quốc gia”, chỉ mới thực hiện tham gia đối với thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Thễ chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và Kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08/6/2022 Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, định hướng xuyên suốt về Chuyển đổi số là đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số thông qua phổ cập sử dụng các nền tảng số Việt Nam, giúp người dân, doanh nghiệp thụ hưởng trực tiếp sự tiện lợi cũng như lợi ích của Chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số chỉ tiêu đưa ra quá cao và chưa có trong các tiêu chí thống kê của tỉnh nên chưa có cơ sở thống kê, báo cáo chính xác số liệu. Ngoài ra, nguồn lực cho việc triển khai các nhiệm vụ theo mục tiêu đề ra còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu triển khai Chuyển đổi số hiện nay của tỉnh.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của cơ quan, địa phương năm 2022

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về việc kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử thành Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-BCĐ ngày 05/4/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Quyết định số 85/QĐ-BCĐ ngày 26/4/2022 về việc thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2022. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đã cụ thể hóa bằng Quyết định số 141/QĐ-BCĐ ngày 29/6/2022, ban hành kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2022. Trong đó, đã giao các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động triển khai các nội dung, nhiệm vụ tại các văn bản sau đây:

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2022.

- Quyết định 411/QĐ-TTg 2022 ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Công văn số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Trong thời gian qua, tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới,... đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn có mạng nội bộ và kết nối Internet; đã hoàn thành việc triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước kết nối tất cả các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn.

Năm 2022, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 2.022.324 thuê bao; mật độ thuê bao điện thoại đạt 117,4 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao điện thoại cố định là 30.169 thuê bao, thuê bao điện thoại di động là 1.992.155 thuê bao. Tổng số thuê bao Internet là 1.585.247 thuê bao; mật độ thuê bao Internet đạt 92 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao Internet băng rộng cố định là 363.011 thuê bao, thuê bao Internet băng rộng di động là 1.222.236 thuê bao. Doanh thu lĩnh vực viễn thông ước đạt 2.657 tỷ đồng.

Hạ tầng viễn thông được phát triển đồng bộ đáp ứng tốt yêu cầu về thúc đẩy kết nối thông tin và truyền thông phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Hiện có 2472 vị trí các trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn 15 huyện, thành

phổ. Trong đó, có 2389 vị trí phát sóng 3G, 2256 vị trí có phát sóng di động 4G, đưa vào thí điểm triển khai thí điểm mạng di động công nghệ 5G tại một số vị trí tại thành phố Phú Quốc, thành phố Rạch Giá làm cơ sở để đánh giá, phát triển mạng di động thế hệ mới, từng bước thay thế, dừng phát sóng các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) di động thế hệ cũ (mạng 2G). Thấm định vị trí để triển khai mới 255 các trạm phát sóng di động của nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel trên địa bàn toàn tỉnh, tiếp tục mở rộng vùng phủ mạng dữ liệu di động 3G, 4G góp phần đảm bảo cho yêu cầu kết nối, nhu cầu thông tin liên lạc của người dân trên địa bàn cũng như đảm bảo cho mục tiêu phát triển xã hội số - kinh tế số tỉnh.

Hạ tầng công nghệ thông tin: Trung tâm dữ liệu tỉnh đã cung cấp hạ tầng phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông vận hành: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP) với 37 máy chủ ảo; nền tảng giám sát an toàn thông tin (NSM, SIEM, SDM...) với 16 máy chủ ảo; Cổng dịch vụ công và Một cửa điện tử với 12 máy chủ ảo; báo cáo chỉ số kinh tế xã hội (LRIS) với 08 máy chủ ảo; thư điện tử công vụ với 06 máy chủ ảo; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần với 04 máy chủ ảo; phòng họp không giấy với 03 máy chủ ảo; Hệ thống thông tin địa lý (GIS) với 02 máy chủ ảo.

b) Tồn tại, hạn chế:

Do đặc thù về điều kiện địa lý nên còn một số xã, đảo chưa có điện lưới quốc gia, chưa có đường truyền Internet hữu tuyến nên việc triển khai Chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Triển khai xây dựng Cổng dữ liệu số dùng chung của tỉnh Kiên Giang và thực hiện kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); để thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của sở, ngành, địa phương phục vụ cho người dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước.

Đã thực hiện triển khai kết nối cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, bao gồm các cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội; dịch vụ kết nối bưu chính công ích; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); kết nối Hệ thống Tư pháp - Hộ tịch, Hệ thống Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp); dịch vụ cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ ngân sách (Bộ Tài chính); cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể (Sở Kế hoạch và Đầu tư); cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xác thực định danh điện tử.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trên nền tảng bản đồ số (GIS), cụ thể: Dữ liệu về hạ tầng (giao thông, cấp nước, thoát nước, viễn thông, điện lực,...); dữ liệu về quy hoạch - xây dựng (quy hoạch kiến trúc,

xây dựng); dữ liệu kinh tế - văn hóa - xã hội - du lịch (kế hoạch đầu tư, công thương, khu công nghiệp, văn hóa - thể thao, du lịch, y tế, giáo dục, dân tộc);...

b) Tồn tại, hạn chế:

Tỷ lệ cơ quan thường xuyên cung cấp, cập nhật dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh chưa cao.

Việc thực hiện đồng bộ và tích hợp, chia sẻ, kết nối liên thông dữ liệu, đặc biệt là giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống phần mềm chuyên ngành do Bộ, ngành trung ương triển khai thông qua Trục kết nối liên thông quốc gia (NDXP) còn gặp nhiều khó khăn.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

Triển khai vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin, các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử và Chính quyền số theo chỉ đạo từ Bộ Thông tin và Truyền thông: Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tập trung (dữ liệu về hành chính công, y tế, giáo dục, truyền thông) kết nối đến Trung tâm giám sát theo định hướng phát triển thành IOC của tỉnh; hoàn thiện nền tảng hợp trực tuyến và phòng họp không giấy phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh đến các cơ quan hành chính các cấp; nghiên cứu ứng dụng nền tảng trợ lý ảo; nền tảng Giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được đảm bảo an toàn an ninh thông tin; nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nền tảng Bản đồ số (GIS).

Cổng thông tin điện tử tỉnh đã đăng hơn 1.065 tin, bài và hơn 1.500 văn bản phản ánh các hoạt động, sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, công tác thông tin, tuyên truyền, công tác phòng, chống dịch bệnh, bám sát yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong năm 2022, phản ánh tập trung các sự kiện quan trọng, nổi bật phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: Được duy trì, đảm bảo công tác chỉ đạo điều hành các cấp của tỉnh với 22 điểm cầu cấp tỉnh, cấp huyện và 56 điểm cầu cấp xã.

Hệ thống Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc: đã hoàn thiện kết nối liên thông 3 cấp và kết nối liên thông với Chính phủ.

Chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ, đến thời điểm báo cáo có 2.927 chứng thư số được cấp (tăng 908 chứng thư số). Trong đó, có 2.470 chứng thư số của cá nhân và 457 chứng thư số của tổ chức.

Hoàn thành chức năng đăng nhập một lần (SSO) cho hệ thống thư điện tử công vụ và Cổng dịch vụ công của tỉnh, hướng đến mục tiêu sử dụng đồng bộ 01 tài khoản để truy cập tất cả các hệ thống dùng chung của tỉnh Kiên Giang.

Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành thông tin tỉnh Kiên Giang: Đã triển khai giám sát an toàn, an ninh thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh và hơn 5.000 máy tính của các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng của quốc gia. Triển khai tích hợp giám sát điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang, bao gồm các hợp 8 phần: Hệ thống giám sát hành chính công, Hệ thống điều hành ngành Y tế, Hệ thống điều hành ngành Giáo dục, Hệ thống điều hành ngành Du lịch, Hệ thống quản lý lưu trú trực tuyến, Hệ thống giám sát an toàn thông tin, Hệ thống giám sát mạng xã hội, Chính quyền số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Nhân lực quản lý, vận hành Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành thông tin tỉnh Kiên Giang còn hạn chế, đa số là kiêm nhiệm; chưa có chế độ, chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành hệ thống.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2022, tỉnh Kiên Giang đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về Chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh với mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khai thác và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin dùng chung và công tác Chuyển đổi số tại nội bộ các đơn vị cũng như nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của Chuyển đổi số trong hiện đại hóa, cải cách hành chính hướng đến mô hình Chính quyền số tỉnh Kiên Giang.

Được sự phối hợp, hỗ trợ của Cục Chuyển đổi số - Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh Kiên Giang đã tổ chức triển khai khóa bồi dưỡng, tập huấn về Chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh qua đó có 548 học viên đăng ký tham gia khóa học, đến nay có 507/548 học viên hoàn thành khóa học, đạt 92,5%.

Ngoài ra, tỉnh cũng đã triển khai 22 lớp bồi dưỡng, tập huấn sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh Kiên Giang với hơn 1.050 đại biểu cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Nhằm đẩy mạnh việc phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân tham gia vào quá trình Chuyển đổi số tại địa phương, tỉnh Kiên Giang đã thành lập 950 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 5.807 Tổ viên đang là nòng cốt để thúc đẩy Chuyển đổi số trong nhân dân. Trong năm 2022, đã hoàn thành triển khai tập huấn cho 950 Tổ Công nghệ số cộng đồng với gần 3.000 thành viên tham gia tập huấn.

b) Tồn tại, hạn chế:



Cán bộ phụ trách công nghệ thông tin ở cấp huyện và cấp xã chủ yếu kiêm nhiệm chưa có kiến thức chuyên sâu và thường xuyên thay đổi vị trí công tác, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ Chuyển đổi số còn gặp những khó khăn nhất định.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang - SOC kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia nhằm thực hiện theo dõi, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh Kiên Giang trên mô hình 4 lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời gian qua, trong quá trình theo dõi, giám sát công tác đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu tỉnh, hàng năm đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 1.000 cuộc tấn công có chủ đích, mức độ nguy hiểm cao vào hệ thống, có 11.875.063 lượt rà quét và ngăn chặn các lượt tấn công vào hệ thống. Trong đó: Các cuộc tấn công giả mạo có 5.021.446 lượt, tấn công sử dụng mã độc có 27.564 lượt; tấn công tổng hợp sử dụng kết hợp nhiều hình thức có 6.826.053 lượt.

Tình hình an toàn an ninh thông tin máy trạm bị phát hiện và ngăn chặn: 17.850 máy tính kết nối ứng dụng phát hiện và phản ứng sự cố an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối (EDR); 16.660 máy vi tính kết nối ứng dụng phòng, chống mã độc (Antivirus); 1.409 máy vi tính phát hiện có virus.

Việc triển khai Trung tâm SOC còn giúp người dân có thể phản ánh mọi vấn đề bất cập của đô thị một cách kịp thời thông qua ứng dụng trên thiết bị di động và giúp chính quyền đô thị tiếp nhận, giải quyết các bất cập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Tập hợp và thống kê các số liệu kinh tế, xã hội của tỉnh, hỗ trợ cho lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Nguồn dữ liệu sẽ được tích hợp, chia sẻ với các ngành Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Thuế, Hải quan, Thống kê, hệ thống điều hành giám sát, hoạt động 24/7 để chủ động phòng chống nguy cơ mất an toàn thông tin và chủ động phòng vệ, phản ứng trước các cuộc tấn công mạng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Trong đó trang bị kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin tới toàn thể người sử dụng Internet; phổ biến các hoạt động trang bị kỹ năng cho các nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội.

b) Tồn tại, hạn chế:



Nhân lực an toàn, an ninh mạng của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có bằng cấp chuyên về an toàn thông tin (chủ yếu là các cán bộ có trình độ đại học công nghệ thông tin sang làm an toàn thông tin).

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc:

+ Hệ thống được triển khai tại các cơ quan nhà nước, đoàn thể và các đơn vị trực thuộc, 15/15 UBND huyện, thành phố và 144/144 UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Hệ thống đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các quy trình quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành.

+ Liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh.

+ Việc triển khai hệ thống để gửi nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại, giấy tờ của các đơn vị; thay đổi tác phong, lề lối làm việc từ giải quyết công việc dựa trên giấy tờ sang giải quyết trên môi trường điện tử, giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất làm việc, giảm thời gian xử lý công việc của các cơ quan Nhà nước nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

+ Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100% (trừ văn bản mật).

- Hệ thống thư điện tử công vụ:

Hiện nay, tổng số tài khoản được tạo lập trên hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh là 5.080 tài khoản. Việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi công việc giữa cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả rất tốt, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và đảm bảo an toàn thông tin.

- Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS):

+ Hoàn thành việc xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống phần mềm giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hàng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh được Văn phòng Chính phủ giao đến Hệ thống báo cáo Chính phủ thông qua Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang đang xây dựng quy định về các chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo và kế hoạch tập huấn sử dụng Hệ thống LRIS cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã (Dự kiến 182 đơn vị, thời gian trong tháng 01/2023).

+ Tỷ lệ báo cáo của cơ quan nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

- *Xây dựng, cập nhật và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0):*

+ Trên cơ sở Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 và hướng dẫn số 39/THH-CSCNTT ngày 13/01/2020 của Cục Tin học hóa về mẫu Đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử phiên bản cập nhật 2.0, tỉnh đã triển khai cập nhật, hoàn thiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang từ phiên bản 1.0 lên phiên bản 2.0 tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang, đảm bảo phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ UBND tỉnh Kiên Giang đã triển khai cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) như: các hệ thống phần mềm dùng chung cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử tỉnh; phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử thành phần các cơ quan nhà nước, Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh, mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước...) nhằm thống nhất công tác quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu đảm bảo tuân thủ theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang. Nâng cấp, duy trì hệ thống/nền tảng kết nối quy mô địa phương (LGSP) để kết nối liên thông dữ liệu giữa các phần mềm khác nhau trong nội bộ tỉnh và giữa các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh với các Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông quốc gia (NDXP), đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; Mở rộng, phát triển các dịch vụ công trực tuyến từ mức 3 lên mức 4 cho các lĩnh vực thường xuyên có giao dịch. Xây dựng các ứng dụng chuyên ngành ở mọi lĩnh vực cho các Sở, ban, ngành và các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã.

+ Tiếp tục kiện toàn khung pháp lý, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc truy cập, khai thác, sử dụng các thông tin của tỉnh; phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số, mở rộng gắn kết với các dịch vụ của Đô thị thông minh; Triển khai vận hành hệ thống SOC; Triển khai xây dựng Cổng dữ liệu số của tỉnh hướng đến hình thành Cơ sở dữ liệu lớn (Big Data) trên cơ sở cho phép xử lý đa dạng các nguồn dữ liệu, kiểu dữ liệu, cho phép ứng dụng các xu hướng công nghệ mới của Cách mạng công nghiệp 4.0 như: IoT, BigData, Blockchain, Trí tuệ nhân tạo (AI), Máy học (Machine Learning)... Ứng dụng thí điểm trí tuệ

nhân tạo (AI), trợ lý ảo (Virtual Assistant) trong một số hoạt động, đời sống. Đào tạo hướng dẫn, phổ cập kỹ năng để người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến của mỗi dịch vụ công; Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên về triển khai an toàn thông tin cũng như kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Kiên Giang.

- Tổ chức triển khai, nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc (phòng họp không giấy):

Tỉnh đã hoàn thành việc triển khai đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trên môi trường mạng (phòng họp không giấy) tại Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh và đang triển khai mở rộng tại Hội đồng nhân dân và UBND các huyện, thành phố. Theo đó, tất cả tài liệu họp được số hóa chuyển cho các thành viên tham dự nhằm hạn chế sử dụng văn bản giấy.

- Triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

Trong những năm qua, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã tăng cường triển khai, vận hành nhiều hệ thống thông tin, từng bước xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, tiến hành chuẩn hóa nhằm cung cấp rộng rãi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi tối đa cho lưu thông dữ liệu trong tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Một số hệ thống thông tin tiêu biểu như:

+ Ngành Y tế: Ứng dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh tại các Bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế... Qua đó đã giúp ngành thực hiện tốt công tác quản lý bệnh nhân, quản lý thuốc, khám chữa bệnh trên phạm vi toàn tỉnh... Từng bước hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu toàn diện ngành Y tế.

+ Ngành Giáo dục và Đào tạo: Đã triển khai sử dụng đồng bộ các giải pháp, phần mềm ứng dụng trong toàn ngành: Phần mềm quản lý trường học, sổ liên lạc điện tử, phần mềm quản lý nhân sự ngành giáo dục, Quản lý thống kê giáo dục; triển khai các phòng học tiên tiến, trường học thông minh, trường đạt chuẩn quốc gia,... đáp ứng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Ngành Kế hoạch - Đầu tư: Đã hoàn thiện đưa vào sử dụng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu về hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Ngành Nội vụ: Đã triển khai và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm quản lý thi đua khen thưởng, phần mềm chấm điểm cải cách hành chính, cơ sở dữ liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Kiên Giang

+ Ngành Nông nghiệp: Triển khai và đưa vào vận hành hệ thống quan trắc tự động nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

+ Ngành Tư pháp: Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và chương trình quản lý hộ tịch đến cấp xã, hệ thống cơ sở dữ liệu về họp đồng, giao dịch đã được công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Ngành Tài chính: Triển khai hệ thống TABMIS phục vụ quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã; cấp mã số đối tượng quan hệ ngân sách Nhà nước; cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh.

+ Ban dân tộc: Triển khai, khai thác hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Kiên Giang.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Đã hoàn thành đưa vào vận hành Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ: <http://hotrodoanhnghiep.kiengiang.gov.vn>

- Đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn giao dịch thương mại điện tử POSTMART để giới thiệu và giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đến tháng 8/2022 đã có 60 tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch điện tử. Ngoài ra, Sở Công thương tỉnh Kiên Giang đã hoàn thành việc triển khai Sàn thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang với tổng số 89 tổ chức, cá nhân tham gia.

- Ngành giáo dục và đào tạo: Đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm trường từ cấp mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, gồm 220/343 điểm trường, đạt 64,14%. Trong đó, cấp mầm non có 79/141 điểm trường, đạt 56,02%; cấp THCS có 89/150 điểm trường, đạt 59,3%; THCS - THPT có 28/28 điểm trường, đạt 100%; THPT có 24/24 điểm trường, đạt 100%.

- Theo Báo cáo số liệu của ngân hàng Nhà nước tỉnh Kiên Giang, đến nay ngành Y tế có 5/26 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn 03 thành phố (Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên) và 4/29 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn các huyện thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ngành thuế: 100% doanh nghiệp đã triển khai hóa đơn điện tử; 100% khai báo thuế điện tử.

- Điện lực Kiên Giang: Đã triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng, ví điện tử...đến nay 90% hóa đơn tiền điện được thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% doanh nghiệp đã triển khai hóa đơn điện tử; 100% khai báo thuế điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Đa số các doanh nghiệp hiện nay chủ yếu kinh doanh thông qua các trang mạng xã hội có tính bảo mật không cao (facebook, zalo, youtube) nên dễ xảy ra tình trạng đánh mất thông tin khách hàng, bị lừa đảo,....

- Quá trình doanh nghiệp đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch thương mại điện tử còn gặp khó khăn do các tổ chức, cá nhân chưa có sự chuẩn bị kỹ càng về sản phẩm, mẫu mã, bao bì, hình ảnh cũng như chưa nắm vững các bước để đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho hình thức thanh toán trực tuyến chưa đồng bộ, còn nhiều điểm nghẽn trong kết nối giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ với nhau, cũng như giữa các trung gian thanh toán và các đơn vị cung ứng dịch vụ.

- Các chính sách về thương mại điện tử chưa thật sự thu hút người tiêu dùng, chưa có bước đột phá mang tính chiến lược.

- Các đơn vị cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến đa phần đều xây dựng hệ thống trang thiết bị thanh toán riêng của đơn vị mình tại một điểm chấp nhận thanh toán, dẫn đến tình trạng lãng phí do không tận dụng được hạ tầng chung.

- Một số doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm, chưa thấy hết được lợi ích, hiệu quả mà ứng dụng thương mại điện tử mang lại đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Ngành Giáo dục - Đào tạo đã triển khai nền tảng số Sở Liên lạc điện tử của các đơn vị VNEDU của VNPT và edu.one của Viettel đã cung cấp cho 295 trường học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với tổng số tài khoản sử dụng là 122.990 tài khoản, 100% trường học ứng dụng các nền tảng dạy, học trực tuyến.....

- Người dân sử dụng và có tài khoản zalo là 1,2 triệu tài khoản; có 45% người dân cài đặt số sức khỏe điện tử có 2 bệnh viện áp dụng hình thức khám bệnh trực tuyến. Số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng đạt 44,88% (411.861/ 917.621 người trưởng thành). Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng (có dây và không dây) là 65,5%; Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng Smartphone đạt 80%.

- Ứng dụng xem truyền hình trực tuyến của người dân trên địa bàn tỉnh với tổng số thuê bao là 150.629 thuê bao. Trong đó nhà mạng VNPT là 70.000 thuê bao, Viettel là: 27.860 thuê bao, SCTV là 39.381 thuê bao, FPT là : 13.388 thuê bao.

- Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, phường, xã, tổ, đội:

+ Hiện nay, 100% các huyện, thành phố đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số 950 tổ công nghệ số, với 5.807 thành viên. Đã tổ chức tập huấn cho các Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang sử dụng các nền tảng số với gần 3.000 thành viên tham gia tập huấn.

- Tổ công nghệ số cộng đồng các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh đã tổ chức phổ biến, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng sản phẩm, dịch vụ số tại trụ sở hành chính khi người dân có nhu cầu như: cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến (tạo tài khoản, thanh toán trực tuyến, nộp hồ sơ trực tuyến); kỹ năng sử dụng nền tảng ứng dụng chuyển khoản, thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công nghệ số bao gồm nhiều nội dung và khái niệm mới nên việc tiếp cận và triển khai của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương còn hạn chế; Một số thành viên của các Tổ công nghệ số cộng đồng kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên công tác tham gia hoạt động chưa được thường xuyên; chưa có chính sách hỗ trợ chi phí hoạt động cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Đặc thù của bệnh viện là các loại chi phí phát sinh liên tục và việc thu học phí của học sinh, sinh viên hiện tại các ngân hàng vẫn tính phí như một giao dịch theo quy định hiện hành. Chưa có quy định cụ thể về chi phí giao dịch chuyển khoản đối với ngành y tế là người dân hoặc đơn vị y tế trả và đối với ngành giáo dục là học sinh, sinh viên trả hoặc nhà trường trả.

11. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí trong năm 2022 cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính quyền số, Chuyển đổi số là: 30.820.000.000 đồng, trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp: Tổng kinh phí là 21.000.000.000 đồng, được phân bổ tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang;

- Nguồn vốn đầu tư công: Tổng kinh phí là 9.820.000.000 đồng, bao gồm kinh phí được cấp mới tại Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang và chuyển nguồn từ năm 2021 sang năm 2022.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 1374/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phiên bản 2.0;

- Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08/6/2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

- Nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với việc triển khai các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số năm 2023.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức cơ bản về Chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai, phát triển các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới xây dựng Chính quyền số,

nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin.

- Triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.
- 90% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang.

- 100% Báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; duy trì Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

- 80% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin; tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh Kiên Giang cung cấp; nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong Nhân dân.

- 80% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh được xác thực danh điện tử thông suốt hợp nhất với hệ thống Trung ương.

- 50% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến.

- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 85% cấp huyện, 60% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh đạt 30%, cấp huyện đạt 20%, cấp xã đạt 15%.

b) Phát triển kinh tế số

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt 10% GDP.
- Phần đầu tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.
- 40% dân số trưởng thành tham gia mua sắm trực tuyến.
- Phần đầu 60% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.
- Năng suất lao động tăng 7%.
- 80% sản phẩm OCOP có mặt sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.
- 70% các trường học, cơ sở giáo dục và 50% các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Phát triển xã hội số

- 50% hộ gia đình có địa chỉ số.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 60%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

d) Bảo đảm an toàn thông tin

- 100% Hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trong Quý II/2023.
- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trong Quý III/2023.
- Triển khai, mở rộng Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Kiên Giang (IOC).

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Xây dựng Kế hoạch Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với các nội dung chủ yếu:



- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 theo Chủ đề do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

- Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tập trung vào việc phát động các sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân, doanh nghiệp; các mô hình triển khai nhằm thúc đẩy, quảng bá cho người dân tăng cường sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số; thúc đẩy phổ cập kỹ năng số làm cho người dân được thụ hưởng các kết quả do Chuyển đổi số mang lại.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về Chuyển đổi số

Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức các cấp tham gia vào các kênh truyền thông Chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về Chuyển đổi số phục vụ công tác tham mưu triển khai Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Hoàn thiện và đưa vào vận hành kênh truyền thông Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về Chuyển đổi số phục vụ công tác truyền thông, triển khai Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Thể chế số

- Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, văn bản quy định, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành để triển khai Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật; quy định; quy chế,...).

- Xây dựng các chính sách thúc đẩy hoạt động Chuyển đổi số (tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số).

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đánh giá, công bố xếp hạng mức độ Chuyển đổi số đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh trên hệ thống phần mềm theo Bộ tiêu chí đã ban hành.

3. Hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển tại: Khu đô thị; khu, điểm du lịch; các cơ quan nhà nước; trường học, bệnh viện,...



- Triển khai nâng cấp và dịch chuyển hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh lên nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chuyển đổi số, bảo đảm tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai nâng cấp mạng nội bộ, bổ sung thiết bị công nghệ thông tin tại UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo việc kết nối, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng và đảm bảo an toàn thông tin.

- Chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Khuyến khích các doanh nghiệp triển khai nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G tại trên địa bàn tỉnh.

4. Dữ liệu số

- Xây dựng Cổng dữ liệu tỉnh Kiên Giang, trong đó hình thành Kho dữ liệu tập trung, dùng chung tỉnh trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu vừa khai thác trực tiếp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và phân tích, dự báo một cách chính xác.

- Nâng cấp, hoàn thiện xây dựng mới các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng hình thành các hệ thống thông tin, bao gồm: Báo cáo định kỳ phục vụ quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; quản lý ngành Y tế; quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo; quản lý ngành Tài nguyên Môi trường; quản lý ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản lý ngành Công thương; quản lý ngành Tư pháp; quản lý ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; quản lý ngành Tài chính; quản lý ngành Kế hoạch và Đầu tư; quản lý ngành Nội vụ,...

5. Nền tảng số

- Phát triển và hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do bộ, ngành Trung ương triển khai.

- Xây dựng nền tảng Chính quyền số; triển khai và vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành các hệ thống thông tin của tỉnh với hình thức triển khai tập trung, hình thành Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC).

- Khuyến khích, phối hợp triển khai các hệ thống thanh toán điện tử, cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi đến tất cả người dân.

- Triển khai Tổng đài tự động trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

6. Nhân lực số

- Thực hiện công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; đào tạo đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước thành các chuyên gia về Chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về Chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 9 năm 2023.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.4. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ thông tin về công tác đảm bảo an toàn thông tin trong Chuyển đổi số và tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng trong năm 2023.

8. Chính quyền số

- Tiếp tục phát triển, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh Kiên Giang như: Hệ thống Văn phòng điện tử, thư điện tử công vụ, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin địa lý GIS,... đảm bảo các mục tiêu đề ra trong năm 2023.

- Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên toàn trình. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về Chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Phát triển các ứng dụng, hệ thống camera giám sát, phân tích dữ liệu giám sát an toàn, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng và phòng chống tội phạm khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang.

9. Kinh tế số

- Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

- Triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ

trên các nền tảng số và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

- Tổ chức triển khai mô hình chợ không dùng tiền mặt (chợ 4.0).

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phát triển nền tảng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ các sản phẩm tham gia thương mại điện tử, quản lý chuỗi giá trị, xuất khẩu.

10. Xã hội số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý Chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; đào tạo, tập huấn nhân lực về Chuyển đổi số cho sở ngành, địa phương.

- Đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng, tìm hiểu nghề nghiệp cho học sinh bậc Trung học phổ thông, các chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing). Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.



IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về Chuyển đổi số; ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Chính quyền số, trong đó chú trọng tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hội thi trong đó nội dung sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh. Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ của Chính quyền số cung cấp bằng các phương pháp trực quan, sinh động, gần gũi, dễ hiểu, dễ làm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, các cơ quan truyền thông của Trung ương và địa phương); phát huy vai trò của các nền tảng mạng xã hội (Zalo OA, facebook...) là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền qua hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử

của các cơ quan, đơn vị về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chuyển đổi số và các hoạt động Chuyển đổi số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Bru điện tỉnh phối hợp với các cơ quan nhà nước đẩy mạnh dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn, Voso.vn và kết nối với các nền tảng thương mại điện tử lớn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số và tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng xây dựng Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

- Các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh tăng cường nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số, nền tảng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như: Điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) vào triển khai Chính quyền số.

- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ người dân.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh, nguồn vốn xã hội hóa,... đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, dịch vụ, triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong đó, ưu tiên sử dụng nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ tập trung vào thực hiện xây dựng, triển khai kết cấu hạ tầng, Chính quyền số, làm nền tảng để xây dựng và phát triển các lĩnh vực khác.

- Tăng cường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình Chuyển đổi số của tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tổ chức đoàn công tác tham quan, học tập chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Đô thị thông minh, Chuyển đổi số tại các tỉnh/thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Chủ động liên kết với các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để triển khai các dịch vụ, công nghệ số trên địa bàn tỉnh.



V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách của tỉnh (bao gồm nguồn vốn sự nghiệp và vốn đầu tư công trung hạn); nguồn đầu tư xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện là: 40 tỷ đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì phối hợp cùng các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư và tham mưu cấp thẩm quyền cân đối nguồn vốn đầu tư công thực hiện các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

- Cân đối khả năng nguồn vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn, đảm bảo thực hiện cơ bản mục tiêu Kế hoạch đề ra.

3. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt và dự toán chi tiết do Sở Thông tin và Truyền thông gửi, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan nhà nước trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số phục vụ Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông bố trí nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số và phổ cập kiến thức công nghệ thông tin, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường phổ thông.

- Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số vào công tác giảng dạy và học tập trong các trường phổ thông.

- Đẩy mạnh thực hiện việc dạy và học trực tuyến tại các cấp học trên địa bàn tỉnh; triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, trường học.

6. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án, dự án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong ngành y tế.

- Triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Công Thương

Phối hợp với đơn vị có liên quan triển khai mô hình chợ không dùng tiền mặt (chợ 4.0) và đẩy mạnh phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch sau khi phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch chung của tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển của ngành, địa phương.

- Các sở, ngành và địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến có biện pháp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về các tiện ích khi sử dụng; tham gia tích cực triển khai việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

- Tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số gắn với cải cách hành chính hàng năm theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

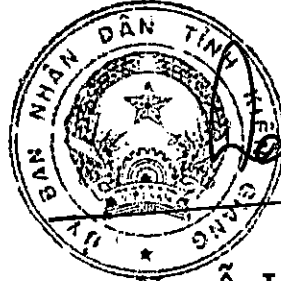
Phụ lục danh mục nhiệm vụ, dự án năm 2023 kèm theo Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang năm 2023, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét. / *2ql*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KGVX, CVNC;
- Lưu VT. tqdat.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung
Nguyễn Lưu Trung



PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
I	Hạ tầng công nghệ thông tin		10.095
1	Triển khai hệ thống quản lý tập trung thiết bị bảo mật tại các xã, phường, thị trấn kết nối về Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2.650
2	Thuê dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dùng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1.445
3	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	4.000
4	Mua sắm thiết bị ghi/phát hình ảnh video, lưu trữ nội dung các cuộc họp trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	1.080
5	Mua sắm bổ sung Camera giám sát an ninh khuôn viên Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	430
6	Gia hạn bản quyền thiết bị tường lửa đảm bảo an toàn thông tin cho phòng máy chủ của Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	340
7	Mua sắm thiết bị phục vụ sàn giao dịch việc làm trực tuyến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	150



II	Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước		16.541
1	Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	Sở Thông tin và Truyền thông	1.000
2	Triển khai số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử tỉnh Kiên Giang vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc	Sở Tư pháp	1.000
3	Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	2.000
4	Triển khai Phần mềm tương tác và xử lý phản ánh kiến nghị đa kênh tích hợp vào tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	1.500
5	Triển khai nâng cấp phần mềm Thư viện điện tử, Thư viện số	Sở Văn hóa và Thể thao	1.000
6	Triển khai hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc tỉnh Kiên Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	1.000
7	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Phần mềm Quản lý tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo tỉnh Kiên Giang”	Văn phòng UBND tỉnh	461
8	Triển khai hệ thống phần mềm Phòng họp không giấy tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	2.600
9	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Phần mềm Văn phòng điện tử tỉnh Kiên Giang”	Văn phòng UBND tỉnh	2.300
10	Nâng cấp nền tảng quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng tỉnh	Sở Nội vụ	980
11	Triển khai nền tảng đánh giá Bộ chỉ số Chuyển đổi số các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	1.200
12	Trang bị hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh	500

13	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý thông tin người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.000
III	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp		8.950
1	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang”	Sở Thông tin và Truyền thông	4.500
2	Triển khai xây dựng Hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Y tế	2.400
3	Cập nhật thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng trên Hệ thống thông tin địa lý tỉnh Kiên Giang (dự kiến 05 đơn vị là: Phú Quốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Châu Thành, Kiên Lương)	Sở Thông tin và Truyền thông	1.250
4	Nâng cấp Cổng thông tin Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	100
5	Nâng cấp Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	100
6	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Ban Dân tộc tỉnh	400
7	Nâng cấp trang thông tin điện tử Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang và hỗ trợ kinh phí trang bị máy tính cho các Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	200
IV	Đảm bảo An toàn thông tin		700
1	Thuê kiểm tra, đánh giá độc lập về an toàn thông tin của các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	500
2	Hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	100
3	Tổ chức Hội thảo về đảm bảo an toàn thông tin mạng và diễn tập thực chiến năm 2023	Sở Thông tin và Truyền thông	100

V	Các hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin khác		3.714
1	Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	200
2	Hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	100
3	Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	400
4	Vận hành, bảo trì bảo dưỡng các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	1.500
5	Kinh phí hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	400
6	Hội thi Tin học trẻ tỉnh Kiên Giang	Tỉnh đoàn Kiên Giang	200
7	Kinh phí duy trì hệ thống tin nhắn tự động trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang phục vụ người dân và doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	200
8	Kinh phí hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh	Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh	714
Tổng cộng			40.000

